

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH TH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2023/DSST
Ngày: 23/5/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH TH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Duy Biên

Bà: Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Viết Chiến: Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh TH.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:

Ông: Nguyễn Khắc Duyến - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST- DSST ngày 13 tháng 10 năm 2022; về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/QĐXX-DSST, ngày 14 tháng 4 năm 2023; giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).

Địa chỉ: 41& 45 đường Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

* Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn Tuấn - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung Chấn - Sinh năm 1989

Trú tại: Lô 06-07 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố TH, tỉnh TH.

Theo V bản ủy quyền số 40/2019/UQCT.HĐQT ngày 04/11/2019 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông và V bản ủy quyền số 01/2022/UQ-OCB-THN ngày 01/7/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông chi nhánh TH.

* Bị đơn: Ông Trần Quốc V - Sinh ngày 19/5/1963 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Trường Sơn, xã Trường Lâm, thị xã N, tỉnh TH

- Bà: Phạm Thị T - Sinh năm 1975 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Trường Sơn, xã Trường Lâm, thị xã N, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phương Đông trình bày:

Giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi nhánh TH (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với Trần Quốc V và bà Phạm Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng số 414/2020/HĐTD-CN ngày 19/11/2020 và khế ước nhận nợ số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020, với nội dung Ngân hàng cho vợ chồng ông V, bà T vay số tiền 300.000.000đ, mục đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 120 tháng; lãi suất trong hạn: Trong 3 tháng đầu: Lãi suất vay 11%/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi, áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 20/02/2021; lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn.

Ngày 20/11/2020 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 300.000.000đ cho ông V, bà T theo khế ước nhận nợ số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020.

Thời gian đầu ông V, bà T đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng, cho đến ngày 07/02/2022 ông V, bà T bắt đầu chậm trả và vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Tính đến ngày 23/5/2023 ông V, bà T đã trả được tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi là 63.806.217đ và còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 250.000.000đ; tiền lãi trong hạn là 20.267.098 ; tiền lãi quá hạn là 2.049.407đ

Tổng cộng cả gốc và lãi là 272.316.505đ

Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhưng đến nay ông V, bà T vẫn không thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng.

*** Tài sản đảm bảo cho khoản vay là:** Quyền sử dụng đất của ông Trần Quốc V, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 691928, số vào sổ cấp GCN: CH00130 do UBND thị xã N, tỉnh TH cấp ngày 12/10/2020.

Thửa đất số 426; tờ bản đồ số 70; địa chỉ thửa đất: Thôn Trường Sơn, xã Trường Lâm, thị xã N, tỉnh TH; Diện tích đất: 131,7m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 131,7m², sử dụng chung: không; Mục đích sử dụng: Đất ở 100m²; Đất CLN: 31,7m²; Thời hạn sử dụng đất ở: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền SDD.

*** Tài sản gắn liền với đất:** Theo V bản cam kết ngày 19/11/2020 và Biên bản định giá nhà, đất của ông Trần Quốc V, bà Phạm Thị T, ngoài diện tích đất 131,7m² còn thế chấp toàn bộ công trình xây dựng trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp, gồm diện tích sàn xây dựng là 140m²; kiến trúc xây dựng: Bê tông cốt thép; Số tầng: 02; Hiện trạng nhà ở: đã hoàn thành việc xây dựng và đang được sử dụng để ở; Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2023 trên đất có một ngôi nhà 2 tầng; tầng 1 là 110m², tầng 2 là 90m².

(các tài sản trên không thay đổi so với thời điểm thế chấp).

Tại phiên tòa Ngân hàng đề nghị ông V, bà T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng khoản nợ trên theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Trường hợp ông Trần Quốc V, bà Phạm Thị T không thực hiện việc trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ khoản nợ trên cho Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

*** Ý kiến trình bày của bị đơn ông Trần Quốc V và bà Phạm Thị T:** Ông bà có ký hợp đồng tín dụng số 414/2020/HĐTD-CN ngày 19/11/2020 và khế ước nhận nợ

số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020, với nội dung vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông số tiền 300.000.000đ, mức đích vay để tiêu dùng, thời hạn vay 120 tháng; lãi suất trong hạn: Trong 3 tháng đầu: Lãi suất vay 11%/năm. Từ tháng thứ 4 trở đi, áp dụng lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần, kỳ điều chỉnh lãi đầu tiên vào ngày 20/02/2021; lãi suất quá hạn 150% lãi suất vay trong hạn.

Ngày 20/11/2020 Ngân hàng đã giải ngân số tiền 300.000.000đ cho ông bà theo khế ước nhận nợ số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020.

Thời gian đầu ông bà đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn cho Ngân hàng, cho đến ngày 07/02/2022 thì chậm trả và vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, lý do chậm trả do tình hình dịch bệnh và kinh tế khó khăn nên không đúng như đã thỏa thuận.

Tính đến ngày 21/3/2023 còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 250.000.000đ; tiền lãi trong hạn là 13.882.208 ; tiền lãi quá hạn là 1.088.604đ.

*** Tài sản đảm bảo cho khoản vay là:** Quyền sử dụng đất của ông Trần Quốc V, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 691928, số vào sổ cấp GCN: CH00130 do UBND thị xã N, tỉnh TH cấp ngày 12/10/2020.

Thửa đất số 426; tờ bản đồ số 70; địa chỉ thửa đất: Thôn Trường Sơn, xã Trường Lâm, thị xã N, tỉnh TH; Diện tích đất: 131,7m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 131,7m², sử dụng chung: không; Mục đích sử dụng: Đất ở 100m²; Đất CLN: 31,7m²; Thời hạn sử dụng đất ở: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền SDD.

*** Tài sản gắn liền với đất:** Theo V bản cam kết ngày 19/11/2020 và Biên bản định giá nhà, đất của ông Trần Quốc V, bà Phạm Thị T, ngoài diện tích đất 131,7m² còn thế chấp toàn bộ công trình xây dựng trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp, gồm diện tích sàn xây dựng là 140m²; kiến trúc xây dựng: Bê tông cốt thép; Số tầng: 02; Hiện trạng nhà ở: đã hoàn thành việc xây dựng và đang được sử dụng để ở; Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2023 trên đất có một ngôi nhà 2 tầng; tầng 1 là 110m², tầng 2 là 90m². (Các tài sản trên không thay đổi so với thời điểm thế chấp theo hợp đồng thế chấp

Do điều kiện hiện tại kinh tế khó khăn đề nghị Ngân hàng cho ông bà được phân kỳ trả nợ hàng tháng.

Tại phiên Tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

- Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB)- Chi nhánh TH

Buộc ông Trần Quốc V và bà Phạm Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP TMCP Phương Đông (OCB) – Chi nhánh TH. Theo hợp đồng tín dụng số 414/2020/HĐTD-CN ngày 19/11/2020 và khế ước nhận nợ số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020, số tiền gốc là 250.000.000đ; tiền lãi trong hạn là tiền lãi trong hạn là 20.267.098; tiền lãi quá hạn là 2.049.407đ

Tổng cộng cả gốc và lãi là 272.316.505đ

* Về án phí: Đề nghị trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – Chi nhánh TH. số tiền đã nộp tiền tạm ứng án phí.

Ông Trần Quốc V là người cao tuổi được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và bà Phạm Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hình thức: Hợp đồng tín dụng số 414/2020/HĐTD-CN ngày 19/11/2020 và khế ước nhận nợ số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020, giữa Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – Chi nhánh TH với ông Trần Quốc V và bà Phạm Thị T, là hợp đồng vay để tiêu dùng. Vì vậy khi xảy ra tranh chấp, thuộc tranh chấp trong lĩnh vực dân sự quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) – Chi nhánh TH về việc yêu cầu ông Trần Quốc V và bà Phạm Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 414/2020/HĐTD-CN ngày 19/11/2020 và khế ước nhận nợ số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020.

Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng và Trần Quốc V và bà Phạm Thị T đã ký hợp đồng tín dụng theo đúng quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 414/2020/HĐTD-CN ngày 19/11/2020 và khế ước nhận nợ số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020 với số tiền 300.000.000đ

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông V, bà T thực hiện nghĩa vụ trả gốc và lãi đầy đủ như đã cam kết, cho đến ngày 07/02/2022 ông V, bà T bắt đầu chậm trả và vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc thu hồi nợ nhưng V, bà T vẫn không thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Tính đến ngày 23/5/2023 ông V, bà T đã trả được tiền gốc là 50.000.000đ và tiền lãi là 63.806.217đ.

Dư nợ gốc đối với hợp đồng tín dụng số 414/2020/HĐTD-CN ngày 19/11/2020 và khế ước nhận nợ số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020. Dư nợ gốc tính đến ngày 23/5/2023 là 250.000.000đ; số tiền lãi tính đến ngày 23/5/2023,

tiền lãi trong hạn là 20.267.098; tiền lãi quá hạn là 2.049.407đ. (có bảng tính kèm theo).

Do trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Quốc V, bà Phạm Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng số 414/2020/HĐTD-CN ngày 19/11/2020 do hai bên đã ký kết. Do vậy Ngân hàng khởi kiện về việc thu hồi nợ trước thời hạn đối với khoản nợ mà ông Trần Quốc V, bà Phạm Thị T còn nợ lại Ngân hàng là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Trần Quốc V và bà Phạm Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 23/5/2023 số tiền dư nợ gốc đối với hợp đồng tín dụng số 414/2020/HĐTD-CN ngày 19/11/2020 và khế ước nhận nợ số 414/2020/KUNN-CN ngày 20/11/2020.

Số tiền gốc là 250.000.000đ; tiền lãi trong hạn là 20.267.098; tiền lãi quá hạn là 2.049.407đ (có bảng tính kèm theo).

Tổng cộng cả gốc và lãi là 272.316.505đ (Hai trăm bảy mươi hai triệu ba trăm mười sáu nghìn năm trăm lẻ năm đồng).

Trong trường hợp ông Trần Quốc V, bà Phạm Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã N kê biên xử lý tài sản theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho khoản nợ trên là.

Quyền sử dụng đất của ông Trần Quốc V, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 691928, sổ vào sổ cấp GCN: CH00130 do UBND thị xã N, tỉnh TH cấp ngày 12/10/2020.

Thửa đất số 426; tờ bản đồ số 70; địa chỉ thửa đất: Thôn Trường Sơn, xã Trường Lâm, thị xã N, tỉnh TH; Diện tích đất: 131,7m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 131,7m², sử dụng chung: không; Mục đích sử dụng: Đất ở 100m²; Đất CLN: 31,7m²; Thời hạn sử dụng đất ở: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền SDD.

* Tài sản gắn liền với đất: gồm diện tích sàn xây dựng là 140m²; kiến trúc xây dựng: Bê tông cốt thép; Số tầng: 02; Hiện trạng nhà ở: đã hoàn thành việc xây dựng và đang được sử dụng để ở (theo V bản cam kết ngày 19/11/2020 của Ông V, bà T); Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2023 trên đất có một ngôi nhà 2 tầng; tầng 1 là 110m², tầng 2 là 90m².

(Các tài sản trên không thay đổi so với thời điểm thế chấp).

[3] Về án phí: Do ông Trần Quốc V là người cao tuổi nên được miễn tiền nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án; bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Đối với khoản tiền chi phí tố tụng Ngân hàng đã nộp, tại phiên tòa Ngân hàng thống nhất chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

* Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi nhánh TH.

1. Buộc ông Trần Quốc V, bà Phạm Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi nhánh TH, cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là 250.000.000đ.

Tiền lãi trong hạn là 20.267.098đ

Tiền lãi quá hạn là 2.049.407đ

Tổng cộng cả gốc và lãi là 272.316.505đ (Hai trăm bảy mươi hai triệu ba trăm mười sáu nghìn năm trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (kể từ ngày 23/5/2023), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Nếu ông Trần Quốc V, bà Phạm Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi nhánh TH có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã N kê biên xử lý tài sản sau theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho khoản nợ trên là:

Quyền sử dụng đất của ông Trần Quốc V, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 691928, số vào sổ cấp GCN: CH00130 do UBND thị xã N, tỉnh TH cấp ngày 12/10/2020.

Thửa đất số 426; tờ bản đồ số 70; địa chỉ thửa đất: Thôn Trường Sơn, xã Trường Lâm, thị xã N, tỉnh TH; Diện tích đất: 131,7m²; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng: 131,7m², sử dụng chung: không; Mục đích sử dụng: Đất ở 100m²; Đất CLN: 31,7m²; Thời hạn sử dụng đất ở: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền SDD.

* Tài sản gắn liền với đất: gồm diện tích sàn xây dựng là 140m²; kiến trúc xây dựng: Bê tông cốt thép; Số tầng: 02; Hiện trạng nhà ở đã hoàn thành việc xây dựng và đang được sử dụng để ở (theo V bản cam kết ngày 19/11/2020 của ông V, bà T); Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/02/2023 trên đất có một ngôi nhà 2 tầng; tầng 1 là 110m², tầng 2 là 90m². (các tài sản trên không thay đổi gì so với thời điểm thế chấp).

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 414/2020/BĐ-CN, ngày 19/11/2020 và V bản cam kết ngày 19/11/2020.

2. Về án phí: Ông Trần Quốc V được miễn tiền nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị T phải chịu 6.807.912đ (sáu triệu tám trăm lẻ bảy nghìn chín trăm mười hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) số tiền 7.080.000đ (bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2021/0012291 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự, thị xã N, tỉnh TH.

* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án..

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND thị xã N;
- THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Đình Thuận

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Đình Thuận

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Đình Thuận

HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TOÀ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CHỦ TỌA

Mai Đình Thuận

Nơi nhận: **TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM** ***Nơi nhận:***

- TAND Tỉnh; **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ**
PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quang Học

Lê Hoàng Thị Nhung

Hoàng Thị Hà

